TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Đắc Liệt**

2. Ông **Nguyễn Văn Tám**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Hồng Lợi** – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 396/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P - Sinh năm 1970

HKTT: 767 đường Đ, phường C, thành phố M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Chỗ ở: Phòng A chung cư B, phường T, thành phố M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đặng Đức H - Sinh năm 1960

HKTT: 767 đường Đ, phường C, thành phố M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2018 và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, bà P và ông H tiến tới hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Vũng Tàu vào ngày 08/01/1992 theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 03.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà P sống với nhau không hạnh phúc, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông H là người gia trưởng, khó tính. Từ năm 2013, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn

được. Trong cuộc sống ông H nóng tính, hay quát mắng vợ con nên ảnh hưởng nhiều đến tâm lý của con cái. Vì vậy, từ tháng 3/2018, bà P và con gái đã dọn ra ngoài sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Nay bà P xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với ông Đặng Đức H.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà Phương có 02 con chung là Đặng Quang H, sinh ngày 26/11/1992 và Đặng Yến N, sinh ngày 08/6/2002. Cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà P có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu N và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/5/2018 và các lần làm việc tại Tòa án, bị đơn – ông Đặng Đức H trình bày:

Về hôn nhân: Bà P và ông H kết hôn năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Vũng Tàu vào ngày 08/01/1992, cuộc hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hòa hợp, hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng 5 năm trở lại đây do bị bệnh nên tính tình ông H có thay đổi, đôi khi nóng nảy chửi mắng con cái và có những lời nói không hay với vợ nên giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 3/2018, bà P và con gái đã dọn ra ngoài sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Ông H không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn thương vợ con.

Về con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung là Đặng Quang H, sinh ngày 26/11/1992 và Đặng Yến N, sinh ngày 08/6/2002. Cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Trường hợp phải ly hôn thì ông H đồng ý giao cháu N cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng tiền nuôi con là 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị P khởi kiện ông Đặng Đức H về việc "Ly hôn", ông H có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đặng Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

Vụ án này, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ hoặc không có đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở hoặc có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hay vụ việc dân sự chưa có điều luật để áp dụng nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị P và ông Đặng Đức H kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Vũng Tàu vào ngày 08/01/1992 theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 03 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà P và ông H phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của bà P và ông H, mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2013, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông H nóng tính hay quát mắng con cái và có những lời lẽ không phải với vợ con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho bà P và ông H giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình nhưng không đạt kết quả, bà P và ông H không tìm được tiếng nói chung, bà P cương quyết yêu cầu được ly hôn, ông H không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn thương vợ. Xét yêu cầu ly hôn của bà P thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông H đã kéo dài từ năm 2013 đến nay, bà P đã ra ở riêng và vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay; quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải, cho thời gian để tạo điều kiện cho ông H và bà P giải quyết mâu thuẫn đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả; trước khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án cũng tổ chức phiên hòa giải nhưng ông H vắng mặt; khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ông H có đơn xin xét xử vắng mặt. Qua đó, có thể khẳng định khả năng hàn gắn tình cảm giữa bà P và ông H là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình, do đó bà P yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị P đối với ông Đặng Đức H.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà P và ông H có 02 con chung là Đặng Quang H, sinh ngày 26/11/1992 và Đặng Yến N, sinh ngày 08/6/2002. Đặng Quang H đã trưởng thành, bà P và ông H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Bà P có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Đặng Yến N, yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con là 5.000.000đ/tháng. Xét yêu cầu của bà Phương thì thấy: Quá trình làm việc tại Tòa, ông H đồng ý nhường quyền trực tiếp nuôi cháu N cho bà P và cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/tháng trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu

ly hôn của bà P, nguyện vọng của cháu N cũng muốn được ở với bà P nên giao cháu N cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà P, giao cháu Đặng Yến N cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nhi, mức cấp dưỡng là 5.000.000đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Ông H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Bà P và ông H không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà P và ông H không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải nộp 300.000đồng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Đặng Đức H phải nộp 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 21, Điều 28, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương;

- *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Đặng Đức H.

- *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị P và ông Đặng Đức H có 02 con chung là Đặng Quang H, sinh ngày 26/11/1992 và Đặng Yến N, sinh ngày 08/6/2002. Đặng Quang H đã trưởng thành, bà P và ông H không yêu cầu nên không xem xét. Giao cháu Đặng Yến N cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đặng Đức H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N, mức cấp dưỡng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Ông H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001982 ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, bà P đã nộp xong tiền án phí.

- *Về án phí cấp dưỡng nuôi con*: Ông Đặng Đức H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

- *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TPVT;
- Các đương sự;
- UBND phường 7, TP.Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ;

Nguyễn Văn Kiên